

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BESTAY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BESTAY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BESTAY VIET NAM DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BESTAY VIET NAM DEVELOPMENT .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108648773

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 51B, ngõ 139/27/45 đường Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                    | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản       | 6820        |
| 3.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810        |
| 4.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                            | 7830        |
| 5.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                    | 7820        |
| 6.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                           | 7990        |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                      | 7020        |
| 8.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                | 6619        |
| 9.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                              | 5610        |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng                        | 5629        |
| 11. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                       | 5630        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                    | 8299 |
| 13. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                 | 5510 |
| 14. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế                                                                                                                             | 7912 |
| 15. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                        | 7911 |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ tư vấn du học                                                                                                                                                           | 8560 |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng                      | 8559 |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                                              | 7490 |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 20. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Buôn bán thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...; Kinh doanh thực phẩm chức năng | 4632 |
| 21. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                     | 4620 |
| 22. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                        | 4631 |
| 23. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4721 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4722 |
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                                                     | 4791 |
| 26. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc                                                                       | 4641 |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự  | 4649 |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690 |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                         | 4663 |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: Đồ ngũ kim; Sơn, véc ni và sơn bóng; Kính phẳng; Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh                                                                                                                           | 4752 |
| 33. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                          | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI HÀ TRANG | Số 51B, ngõ 139/27/45 đường Nguyễn Ngọc Vũ, tổ 4, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.020.000  | 10.200.000.000        | 51,000    | 038188000020                                                                                |         |
|     |              |                                                                                                               | Tổng số           | 1.020.000  | 10.200.000.000        | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                                             |                         |         |               |        |           |  |
|---|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | HÀ NGỌC TÚ         | Số 12 ngách<br>40/34 đường Tô<br>Vĩnh Diện,<br>Phường Khương<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 20.000  | 200.000.000   | 1,000  | 013495739 |  |
|   |                    |                                                                                                                             | Tổng số                 | 20.000  | 200.000.000   | 1,000  |           |  |
| 3 | TRẦN THANH<br>LOAN | thôn Tương Chúc,<br>Xã Ngũ Hiệp,<br>Huyện Thanh Trì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 960.000 | 9.600.000.000 | 48,000 | C2000771  |  |
|   |                    |                                                                                                                             | Tổng số                 | 960.000 | 9.600.000.000 | 48,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THANH LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 15/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C2000771

Ngày cấp: 22/07/2016

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Tương Chúc, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Tương Chúc, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội